



PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

## HỆ THỐNG NGĂN GỌN VỀ WTO VÀ CÁC CAM KẾT GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

# Cam kết WTO đối với nhóm Lương thực - Rau quả

CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP



# MỤC LỤC

## **CAM KẾT WTO ĐỐI VỚI NHÓM LƯƠNG THỰC 03**

- 1** Năng lực cạnh tranh của ngành lương thực của Việt Nam như thế nào? 04
- 2** Việt Nam cam kết về thuế nhập khẩu đối với sản phẩm lương thực như thế nào? 08
- 3** Cam kết WTO về mở cửa thị trường lương thực của Việt Nam có tác động như thế nào? 10
- 4** Các cam kết khu vực về mở cửa thị trường lương thực của Việt Nam có tác động như thế nào? 11
- 5** Doanh nghiệp lương thực nên tận dụng hay đối phó theo hướng nào? 14

## **CAM KẾT WTO ĐỐI VỚI RAU QUẢ 15**

- 6** Tình hình sản xuất của ngành rau quả Việt Nam như thế nào? 16
- 7** Năng lực cạnh tranh của ngành rau quả? 17
- 8** Việt Nam cam kết mở cửa thị trường rau quả cho hàng hóa nước ngoài ở mức nào? 19
- 9** Cam kết mở cửa về rau quả có tác động như thế nào? 24
- 10** Doanh nghiệp rau quả nên tận dụng hay đối phó theo hướng nào? 26



## **CAM KẾT WTO ĐỐI VỚI NHÓM LƯƠNG THỰC**



## **1** Năng lực cạnh tranh của ngành lương thực của Việt Nam như thế nào?

Là nguồn thức ăn cơ bản nhất trong bữa ăn hàng ngày của người Việt Nam, nhóm cây lương thực giữ vị trí quan trọng trong ngành nông nghiệp Việt Nam (chiếm xấp xỉ 60% tổng diện tích gieo trồng nông nghiệp cả nước).

Cây lương thực được chia làm 2 nhóm:

- Cây lương thực có hạt* (chủ yếu là lúa và ngô) và
- Cây lương thực có củ* (chủ yếu là khoai lang và sắn).

Tình hình phát triển và định hướng chính sách của Nhà nước đối với ngành được nêu trong các Bảng dưới đây (theo 02 năm: năm 2006 – trước khi VN gia nhập WTO và năm 2007 – năm đầu tiên VN là thành viên WTO).



**BẢNG 1 - TÌNH HÌNH NGÀNH SẢN XUẤT LÚA GẠO**

Các yếu tố	Năm 2006	Năm 2007	Ghi chú
<b>Diện tích gieo trồng</b>	7,32 triệu ha	7,2 triệu ha (chiếm 54% tổng diện tích gieo trồng nông nghiệp)	Diện tích gieo trồng lúa gạo thường xuyên chiếm trên 50% tổng diện tích gieo trồng nông nghiệp)
<b>Sản lượng thóc</b>	35,8 triệu tấn	35,87 triệu tấn	
<b>Khả năng cạnh tranh</b>	XK gần 4,7 triệu tấn (kim ngạch gần 1,3 triệu USD)	XK 4,5 triệu tấn gạo (kim ngạch gần 1,5 tỷ USD)	<p>Việt Nam đứng thứ 2 trên thị trường thế giới về khối lượng gạo xuất khẩu (sau Thái Lan).</p> <p><b><i>Có lợi thế cạnh tranh đối với các loại gạo có phẩm cấp trung bình và thấp</i></b> (so với Thái Lan) do năng suất lúa cao, giá thành sản xuất thấp.</p> <p>Đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước (dân số 84 triệu người, với mức tăng khoảng 1,1 triệu người mỗi năm)</p>



**BẢNG 2 - TÌNH HÌNH NGÀNH SẢN XUẤT NGÔ**

Các yếu tố	Năm 2006	Năm 2007	Ghi chú
<b>Diện tích trồng</b>	1,03 triệu ha	1,07 triệu ha	Mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2001-2005: 13,4%/năm; năm 2007 tăng 4% so với 2006
<b>Sản lượng ngô hạt</b>	3,8 triệu tấn	4,1 triệu tấn	Năm 2007 tăng 8% so với năm 2006
<b>Khả năng cạnh tranh</b>	Quy mô sản xuất nhỏ, giá thành cao, công nghệ bảo quản chậm phát triển; sản xuất ngô <b>chưa đủ đáp ứng nhu cầu thức ăn chăn nuôi trong nước</b> (ngành chăn nuôi phát triển với tốc độ 6-7%/năm); Tỷ lệ nguyên liệu ngô nhập khẩu phục vụ chăn nuôi tăng hàng năm (kim ngạch nhập khẩu ngô 2006: 94 triệu USD)		
<b>Chính sách đối với ngành</b>	Áp <b>thuế nhập khẩu ngô thấp</b> (5%) để tạo điều kiện cho chăn nuôi		

**BẢNG 3 - TÌNH HÌNH NGÀNH SẢN XUẤT KHOAI LANG**

Các yếu tố	Năm 2006	Năm 2007	Ghi chú
<b>Diện tích trồng</b>	181.000 ha	178.000 ha	Năm 2007 giảm 2% so với năm 2006
<b>Sản lượng khoai</b>	1,4 triệu tấn	1,46 triệu tấn	
<b>Khả năng cạnh tranh</b>	Sản phẩm <b>chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước</b> ; vài năm gần đây, có một số vùng đã xuất khẩu được khoai lang (chủ yếu sang Nhật bản, Hàn quốc) nhưng khối lượng không đáng kể.		
<b>Chính sách đối với ngành</b>	Do mức độ phụ thuộc vào cây lương thực dạng củ giảm nên mức độ bảo hộ ở mức thấp (thuế nhập khẩu 10%); <b>không có chính sách riêng biệt</b> nhằm khuyến khích phát triển sản xuất		

**BẢNG 4 - TÌNH HÌNH NGÀNH SẢN XUẤT SẴN**

Các yếu tố	Năm 2006	Năm 2007	Ghi chú
<b>Diện tích trồng</b>	474.000 ha	497.000 ha	
<b>Sản lượng củ sắn tươi</b>	7,7 triệu tấn	8 triệu tấn	
<b>Khả năng cạnh tranh</b>	Sản phẩm đảm bảo <b>phục vụ đủ nhu cầu trong nước</b> và là mặt hàng nông nghiệp <b>xuất khẩu quan trọng</b> (chủ yếu dưới dạng sắn lát khô, bột sắn, tinh bột sắn sang các thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông với kim ngạch tăng rất nhanh)		
<b>Chính sách đối với ngành</b>	Do mức độ phụ thuộc vào cây lương thực dạng củ trong nước giảm nên <b>mức độ bảo hộ ở mức thấp</b> (thuế nhập khẩu 10%); Nhà nước không có chính sách riêng biệt nhằm khuyến khích phát triển sản xuất.		



## 2 Việt Nam cam kết về thuế nhập khẩu đối với sản phẩm lương thực như thế nào?

Đối với nhóm lương thực, Việt Nam đã có cam kết mở cửa thị trường trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại khác nhau, quan trọng nhất là:

- *Cam kết gia nhập WTO*; và
- *Cam kết trong khuôn khổ khu vực ASEAN và các đối tác của ASEAN.*

Cam kết về thuế nhập khẩu đối với nhóm lương thực thể hiện trong Bảng dưới đây.

### Giải thích Bảng:

- **Thuế suất ban đầu:** là mức thuế áp dụng năm đầu tiên khi gia nhập WTO;
- **Thuế suất cuối cùng:** là mức thuế phải giảm xuống sau một số năm nhất định;
- **Năm thực hiện:** là số năm thực hiện giảm thuế từ mức ban đầu xuống mức cuối cùng;
- **AFTA:** Cam kết trong khuôn khổ “Khu vực mậu dịch tự do ASEAN” (mức thuế suất cam kết sẽ áp dụng cho hàng nông sản từ các nước ASEAN vào Việt Nam);
- **AC-FTA:** Cam kết trong khuôn khổ Hiệp định khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (mức thuế suất cam kết sẽ áp dụng cho hàng hóa từ các nước ASEAN hoặc Trung Quốc vào Việt Nam);
- **AK-FTA:** Cam kết trong khuôn khổ Hiệp định khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Hàn Quốc (mức thuế suất cam kết sẽ áp dụng cho hàng hóa từ các nước ASEAN hoặc Hàn Quốc vào Việt Nam).



**BẢNG 5 – TÓM TẮT CÁC CAM KẾT THUẾ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM LƯƠNG THỰC THEO WTO VÀ CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI KHU VỰC**

Mã số HS	Sản phẩm	Thuế suất hiện hành (2007)	Cam kết WTO			AFTA		AC-FTA		AK-FTA	
			TS ban đầu	TS cuối cùng	Năm thực hiện	2006	2010	2008	2010	2008	2010
1006	Lúa gạo										
	- Thóc giống	0	0		0	0	0	0	0	0	0
	- Thóc khác	40	40		40	20	25	25	35	25	25
	- Các loại gạo	40	40		5	5	25	25	35	25	25
1005	Ngô										
	- Ngô giống	0	0		0	0	0	0	0	0	0
	- Ngô hạt, dạng vỡ mảnh	5	5		0	0	5	5	5	5	5
	- Ngô rang nở	50	30	35	30	0	30	30	35	35	25
071410	Sắn các loại (tươi, khô, sấy lát, viên...)	10	10	20	0	0	0	0	0	10	8
071420	Khoai lang các loại (tươi, khô)	10	10	20	0	0	0	0	0	10	8





### **3** Cam kết WTO về mở cửa thị trường lương thực của Việt Nam có tác động như thế nào?

Ngoài các tác động chung của việc gia nhập WTO (*Xem thêm Sổ tay “WTO và Doanh nghiệp”*), cam kết về thuế trong ngành lương thực phần lớn đem lại **tác động tích cực** đối với các doanh nghiệp, người nông dân và ngành nông nghiệp nói chung.

#### **Cụ thể:**

- **Thị trường xuất khẩu được mở rộng với mức thuế quan MFN thấp và ổn định:**

Trước khi gia nhập WTO, nông sản xuất khẩu của Việt Nam phải chịu mức thuế phổ thông (thường là mức thuế cao hơn) của nước nhập khẩu. Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, các nước thành viên WTO (149 nước vào thời điểm 11/1/2007) có nghĩa vụ phải cho hàng hóa Việt Nam hưởng thuế suất MFN theo cam kết của họ trong WTO. Đây là một lợi ích rất lớn của việc gia nhập WTO mà các doanh nghiệp nông nghiệp cần tận dụng.

- **Thị trường trong nước tiếp tục ổn định:**

Việt Nam đã thành công trong đàm phán gia nhập WTO về nông nghiệp và được giữ nguyên mức bảo hộ (thuế nhập khẩu nông sản) ở mức như trước khi gia nhập. Như vậy, sau 11/1/2007 (thời điểm gia nhập WTO), các mức thuế nhập khẩu đối với lương thực đều không giảm. Thị trường trong nước vì thế ổn định, không phải chịu sự cạnh tranh gay gắt hơn từ lương thực nhập khẩu (từ góc độ thuế quan).



## 4 Các cam kết khu vực về mở cửa thị trường lương thực của Việt Nam có tác động như thế nào?

Bên cạnh cam kết trong WTO, Việt Nam còn đưa ra cam kết khu vực về thuế quan đối với lương thực, cụ thể:

- Cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu trong khuôn khổ **Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)**: Bắt đầu thực hiện từ năm 1996 và cơ bản hoàn thành việc cắt giảm thuế nhập khẩu xuống 0-5% vào năm 2006;
- Cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu trong khuôn khổ **Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung quốc (AC-FTA)**: Bắt đầu thực hiện từ năm 2004 và sẽ hoàn thành cắt giảm thuế xuống 0% vào năm 2008 đối với toàn bộ nông sản thô thuộc 8 chương đầu của biểu thuế. Chương trình cắt giảm thông thường được thực hiện từ tháng 7/2006, về cơ bản sẽ hoàn thành cắt giảm xuống 0-5% vào năm 2013 và 0% vào năm 2015.
- **Khu vực mậu dịch tự do ASEAN Hàn quốc (AK-FTA)** bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2007.
- **Các Khu vực mậu dịch tự do giữa ASEAN với Nhật Bản, Ấn Độ, Úc và New Zealand** đang được đàm phán.

Những cam kết này được gọi chung là cam kết tự do hóa thương mại khu vực với **mức độ cắt giảm thuế cao hơn và thời gian hoàn thành việc cắt giảm ngắn hơn so với cam kết trong WTO**. Do vậy, sức ép hoặc tác động từ các cam kết khu vực thường lớn hơn so với cam kết WTO.



### Hộp 1 – Đánh giá tác động của các cam kết khu vực đối với ngành lúa gạo

#### Mức cam kết:

- ◇ Trong AFTA, Việt Nam đã giảm thuế nhập khẩu gạo xuống mức 5% từ 1/1/2006;
- ◇ Trong AC-FTA, thuế gạo sẽ được giảm từ 40% (hiện hành) xuống 25% vào năm 2008, 5% vào năm 2013 và 0% vào năm 2015.

#### Đánh giá mức độ cạnh tranh:

Tham gia 02 cam kết trên có nhiều nước có tiềm năng xuất khẩu gạo như Trung quốc, Myanmar, Campuchia, đặc biệt là Thái Lan - nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Việt Nam được đánh giá là có khả năng cạnh tranh cao đối với các loại gạo chất lượng trung bình và thấp. Trong khi đó, các loại gạo chất lượng cao, đặc biệt là các loại gạo đặc sản, chất lượng cao sức cạnh tranh còn kém (ví dụ so với gạo Thái Lan). Với các cam kết nói trên, rất có khả năng lượng nhập khẩu các loại gạo đặc sản của Thái Lan vào Việt Nam sẽ tăng lên.



## Hộp 2 - Đánh giá tác động của các cam kết khu vực đối với ngành ngô, khoai lang, sắn

Trong khuôn khổ AFTA và AC-FTA, Việt Nam cam kết giảm thuế nhập khẩu đối với khoai lang, sắn xuống mức thấp hơn nhiều so với mức thuế cam kết trong WTO.

Tuy nhiên vì Việt Nam chủ yếu xuất khẩu sắn và nhu cầu nhập khẩu khoai lang không nhiều nên các cam kết khu vực này không có ảnh hưởng nhiều đến nông dân và các ngành sản xuất liên quan.



## 5 Doanh nghiệp lương thực nên tận dụng hay đối phó theo hướng nào?

- **Đối với ngành lúa gạo:** Đây là ngành mà Việt Nam có tiềm lực xuất khẩu mạnh, vì vậy cần tận dụng cơ hội thuế nhập khẩu MFN vào các nước thành viên WTO thấp và ổn định để đẩy mạnh xuất khẩu (chủ yếu thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, uy tín thương mại, quảng bá sản phẩm);
- **Đối với ngành ngô:** Cạnh tranh trong nước sẽ quyết liệt hơn do thuế nhập khẩu giảm, nhu cầu nhập khẩu lại cao (sản xuất trong nước chưa đáp ứng đủ); để cạnh tranh tốt hơn với ngô nhập khẩu (chủ yếu từ Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ...), doanh nghiệp cần **tăng cường công nghệ bảo quản** để giữ được ngô lâu hơn sau vụ thu hoạch.
- **Đối với ngành sắn:** Đây là sản phẩm Việt Nam xuất khẩu là chủ yếu, vì vậy để tận dụng cơ hội thị trường mang lại từ việc gia nhập WTO (với mức thuế nhập khẩu giảm và ổn định ở tất cả các nước thành viên), doanh nghiệp cần giải quyết được những khó khăn cơ bản là **ổn định vùng nguyên liệu** (tạo liên kết lâu dài giữa doanh nghiệp chế biến và nông dân trồng sắn như cho nông dân tham gia mua cổ phần trong các nhà máy chế biến, mua bán nguyên liệu theo nguyên tắc giá linh hoạt theo thị trường để cùng chia sẻ quyền lợi và rủi ro về giá...) và **xử lý chất thải môi trường** (có thể kiến nghị để yêu cầu hỗ trợ từ Nhà nước – đây là loại hỗ trợ được phép trong WTO).



## **CAM KẾT WTO ĐỐI VỚI NHÓM RAU QUẢ**



## 6 Tình hình sản xuất của ngành rau quả Việt Nam như thế nào?

Với khí hậu thời tiết đa dạng, Việt nam có thể sản xuất nhiều loại rau quả từ nhiệt đới đến ôn đới phục vụ nhu cầu tiêu thụ.

Tình hình của các ngành sản xuất rau, quả của Việt Nam trong năm 2006 (năm trước khi Việt nam gia nhập WTO) và năm 2007 (năm đầu tiên Việt Nam là thành viên WTO) được thể hiện trong các Bảng dưới đây.

**BẢNG 6 - TÌNH HÌNH NGÀNH SẢN XUẤT RAU**

Các yếu tố	Năm 2006	Năm 2007	Ghi chú
Diện tích gieo trồng	676.000 ha	705.000 ha	Năm 2007 tăng 5,8% so với năm 2006
Sản lượng (các loại)	10,3 triệu tấn	11 triệu tấn	Năm 2007 tăng 8,3% so với năm 2006
Các nhóm chủ yếu	Rau ăn lá (cải bắp, rau muống, rau cải, rau ngót, rau dền...); Củ, quả, đậu rau (cà rốt, củ cải, khoai tây, su su, mướp đắng, dưa chuột...); Gia vị (hạt tiêu, ớt, hành tỏi...)		

**BẢNG 7 - TÌNH HÌNH NGÀNH SẢN XUẤT QUẢ**

Các yếu tố	Năm 2006	Năm 2007	Ghi chú
Diện tích gieo trồng	774.000 ha	775.000 ha	Tăng bình quân 36.350 ha/năm (2001-2005) Năm 2007 tăng 0,5% so với năm 2006
Sản lượng (các loại)	6,5 triệu tấn	6,5 triệu tấn	
Các nhóm chủ yếu	Có 6 nhóm cây ăn quả chính là (1) chuối, (2) xoài, (3) nhãn, (4) vải-chôm chôm, (5) quả có múi (bưởi, cam, quýt, chanh) và (6) dứa. Diện tích của 6 nhóm cây ăn quả này thường xuyên chiếm từ 72 - 75% tổng diện tích cây ăn trái trong 5 năm qua.		





## 7 Năng lực cạnh tranh của ngành rau quả?

Hiện tại, khoảng **80 - 85%** sản lượng rau quả sản xuất ra **để phục vụ cho tiêu dùng trong nước, 15 – 20 %** dành cho xuất khẩu. Tỷ lệ này thay đổi tùy theo từng loại rau quả (ví dụ, một số sản phẩm có tỷ lệ xuất khẩu cao hơn như ngô ngọt, dưa chuột bao tử, nấm, dứa, vải; ngược lại, nhiều sản phẩm tiêu dùng trong nước gần như 100% như các loại rau ăn lá, cam, quýt, ổi...).

Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam tăng giảm **thất thường** (mặc dù vài năm gần đây có xu hướng tăng đều nhưng với tốc độ chậm hơn tốc độ phát triển sản xuất). Điều này cho thấy năng lực cạnh tranh của ngành hàng rau quả Việt nam nhìn chung có nhiều hạn chế do **quy mô sản xuất manh mún, giá thành sản xuất cao, chất lượng không đồng đều, vệ sinh an toàn thực phẩm và yếu kém trong công nghiệp bảo quản, chế biến.**

Vì vậy, rau quả được **bảo hộ ở mức khá cao**, với mức thuế nhập khẩu từ **30-40%** đối với rau quả tươi, **50%** đối với rau quả chế biến.



### Hộp 3 - Tiềm năng cạnh tranh của một số loại rau quả

- ◇ **Đối với cây ăn quả:** Việt Nam có tiềm năng để phát triển những loại quả nhiệt đới như chuối, xoài, nhãn, vải, chôm chôm, bưởi. Những loại quả khả năng cạnh tranh kém là nho, cam, quýt. Những loại quả ít có điều kiện tự nhiên để phát triển là táo, lê, đào;
- ◇ **Đối với rau:** Việt Nam có lợi thế để phát triển rau tươi (kể cả nấm), nhưng khả năng cạnh tranh của rau chế biến còn thấp do công nghệ chế biến chậm đổi mới, khả năng cung cấp nguyên liệu thấp nên chất lượng còn nhiều hạn chế, giá thành sản xuất cao.



## 8 Việt Nam cam kết mở cửa thị trường rau quả cho hàng hóa nước ngoài ở mức nào?

Hiện tại, liên quan đến thị trường rau quả, Việt Nam đã có cam kết mở cửa trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại khác nhau, quan trọng nhất là:

- Cam kết gia nhập WTO; và
- Cam kết trong khuôn khổ khu vực ASEAN và các đối tác của ASEAN.

### Hộp 4 – Xu hướng cam kết WTO đối với rau quả

Mức độ cam kết mở cửa đối với rau quả chủ yếu thể hiện là **cam kết giảm thuế nhập khẩu** (để hàng hóa nước ngoài tiếp cận thị trường Việt Nam dễ dàng hơn)

- ◇ Mức cắt giảm thuế nhập khẩu đối với các loại quả cao hơn so với rau.
- ◇ Quả ôn đới có mức cắt giảm thuế nhập khẩu cao hơn quả nhiệt đới.
- ◇ Rau quả chế biến có mức cắt giảm nhiều hơn so với rau quả tươi.
- ◇ Những loại rau quả nước ta có khả năng sản xuất và xuất khẩu có mức cắt giảm thuế nhập khẩu ít hơn so với những loại rau quả mà nước ta ít có lợi thế sản xuất và phải nhập khẩu nhiều, đặc biệt là các loại rau, quả ôn đới (táo, lê, đào, nho...).



Cam kết về thuế nhập khẩu của Việt Nam trong khuôn khổ WTO đối với các sản phẩm rau quả được thể hiện trong Bảng dưới đây.

### Giải thích Bảng:

- **Thuế suất ban đầu:** là mức thuế áp dụng năm đầu tiên khi gia nhập WTO;
- **Thuế suất cuối cùng:** là mức thuế phải giảm xuống sau một số năm nhất định;
- **Năm thực hiện:** là số năm thực hiện giảm thuế từ mức ban đầu xuống mức cuối cùng;
- **AFTA:** Cam kết trong khuôn khổ “Khu vực mậu dịch tự do ASEAN” (mức thuế suất cam kết sẽ áp dụng cho hàng nông sản từ các nước ASEAN vào Việt Nam);
- **AC-FTA:** Cam kết trong khuôn khổ Hiệp định khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (mức thuế suất cam kết sẽ áp dụng cho hàng hóa từ các nước ASEAN hoặc Trung Quốc vào Việt Nam);
- **AK-FTA:** Cam kết trong khuôn khổ Hiệp định khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Hàn Quốc (mức thuế suất cam kết sẽ áp dụng cho hàng hóa từ các nước ASEAN hoặc Hàn Quốc vào Việt Nam).

**BẢNG 8 – TÓM TẮT CÁC CAM KẾT THUẾ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM RAU QUẢ THEO WTO VÀ CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI KHU VỰC**

Mã số HS	Sản phẩm	Thuế suất hiện hành (2007)	Cam kết WTO			AFTA		AC-FTA		AK-FTA	
			TS ban đầu	TS cuối cùng	Năm thực hiện	2006	2010	2008	2010	2008	2010
	<b>I- Rau quả tươi, sơ chế</b>										
<b>07</b>	<b>Rau các loại</b>										
	Các loại để làm giống (hạt, quả, củ, thân, cành...)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0701-0709	Các loại rau tươi và ướp lạnh										
	Rau tươi ăn lá (cải bắp, sup lơ, rau cải...)	30	20		0	0	0	0	0	15	15
	Rau tươi ăn quả (cà chua, dưa chuột, đậu rau...)	30	20		0	0	0	0	0	15	15
	Rau tươi ăn củ (khoai tây, cà rốt, củ cải...)	30	20		0	0	0	0	0	15	15
	Các loại gia vị (hành, tỏi...)	30			0	0	0	0	0	15	15
	Nấm tươi	30	30		0	0	0	0	0	15	15





## Cam kết WTO đối với nhóm rau quả

Mã số HS	Sản phẩm	Thuế suất hiện hành (2007)	Cam kết WTO				AFTA		AC-FTA		AK-FTA	
			TS ban đầu	TS cuối cùng	Năm thực hiện	2006	2010	2008	2010	2008	2010	
	Đậu hạt	30	25	20	2012	0	0	0	0	25	20	
0710-0711	Rau các loại đã sơ chế (hấp chín, bảo quản tạm thời qua ngâm dấm, ngâm muối...)	30	15		2010	0	0	0	0	15	10	
0712-0713	Các loại rau, đậu khô	30	25-30	20-25	2010	0-5	0-5	0	0	25	20	
<b>08</b>	<b>Quả các loại</b>											
0803	Chuối	40	40	25	2012	5	5	0	0	35	25	
0804	Chà là, sung, dưa, bơ, ổi, xoài, măng cụt	40	30-40	15-20-25-30	2010-2012	5	5	0	0	35	25	
0805	Quả có múi (cam, quýt, chanh, bưởi)	30	40	20-30	2010-2012	10	0	0	0	35	25	
0806	Nho	25	25	10-13	2012	5	5	0	0	20	20	
0807	Các loại dưa, đu đủ	40	40	30	2010	5	5	0	0	35	25	



0808-0809	Táo, lê, đào	20 - 25	24 - 25	10	2012	5	5	0	0	20	20
0811-0812	Các loại quả được bảo quản tạm thời bằng hấp chín, ngâm muối, đường...	40	40	30	2010	5	5	0	0	35	25
0813	Các loại quả khô	40	40	30	2010	5	5	0	0	35	25
	<b>Các loại hoa</b>										
0603-0604	Các loại hoa tươi, khô, cành, lá dùng để trang trí	30	30	20	2010	5	5	0	0	35	25
<b>20</b>	<b>II- Rau quả chế biến</b>										
2001-2005	Rau chế biến (ngâm dấm, đông lạnh...)	40	40	18-35	2010-2012	5	5	30	30	35	25
2006	Rau, quả bảo quản bằng đường	40	40	35	2010	5	5	30	30	35	25
2007	Mứt, nước quả cô đặc	40	40	35	2010	5	5	30	30	35	25
2008	Rau, quả đã chế biến, bảo quản bằng cách khác	40	40	18-35	2010-2012	5	5	30	30	35	25
2009	Nước quả ép	35	35-40	20-35	2010-2012	5	5	30	30	35	25



## 9 Cam kết mở cửa về rau quả có tác động như thế nào?

Mức độ mở cửa thị trường rau quả của Việt Nam trong khuôn khổ cam kết WTO **thấp hơn nhiều so với mức độ mở cửa trong các cam kết tự do hóa thương mại khu vực** (ASEAN, Trung Quốc...). Trong khi đó việc nhập khẩu rau quả lại chủ yếu là từ những nước này. Vì vậy việc xem xét tác động của mở cửa đối với ngành rau quả Việt Nam **chủ yếu là dựa trên tác động của cam kết khu vực chứ không phải cam kết WTO.**

### Hộp 5 - Tóm tắt cam kết khu vực về mở cửa thị trường rau quả

- ◇ **Trong AFTA** Việt Nam cam kết áp dụng mức thuế nhập khẩu của tất cả các loại rau quả tươi, chế biến 0-5% từ 1/1/2006;
- ◇ **Trong AC-FTA** Việt Nam cam kết áp dụng mức thuế nhập khẩu rau quả tươi 0% vào 1/1/2008, rau quả chế biến 30% vào năm 2008 và sẽ giảm xuống còn 5% vào năm 2013 và 0% vào năm 2015;
- ◇ **Trung Quốc và 6 nước ASEAN cũ** (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippine, Singapore và Thái lan) đã giảm thuế xuống 0% vào 1/1/2006 đối với rau quả tươi và 0% vào 1/1/2010 đối với rau quả chế biến.





### Về cơ hội

- Theo AFTA và AC-FTA, Trung Quốc và 6 nước ASEAN cũ sẽ **mở cửa hoàn toàn đối với rau quả tươi vào 1/1/2006 và đối với rau quả chế biến vào 1/1/2010**. Với lợi thế gần cận và có truyền thống buôn bán (nhất là rau quả) với Trung quốc, đây là cơ hội cho cho những loại rau quả mà nước ta có lợi thế xuất khẩu sang thị trường này.

### Về thách thức

- **Cơ cấu rau quả của các nước ASEAN gần giống nhau**, cùng cạnh tranh vào thị trường Trung Quốc, trong khi đó, một số nước có trình độ và khả năng sản xuất rau quả tốt hơn nước ta (Thái Lan, Philipin...). Đây là thách thức không nhỏ cho ngành rau quả của Việt Nam trong xuất khẩu.
- **Trung Quốc vừa là nước nhập khẩu vừa là nước xuất khẩu rau quả thuộc loại hàng đầu thế giới**. Trung Quốc nhập khẩu rau quả tươi, xuất khẩu cả tươi và chế biến. Với tiềm năng đa dạng về chủng loại rau quả, Trung quốc xuất khẩu khá nhiều các loại rau quả vào nước ta, đặc biệt là các loại quả ôn đới như táo, lê, đào, nho, quả có múi như cam, quýt, các loại quả đã chế biến (mứt quả). Từ khi thực hiện AC-FTA (2004) đến nay, Việt Nam đã chuyển từ vị trí xuất siêu sang vị trí nhập siêu rau quả từ Trung Quốc.



## 10 Doanh nghiệp rau quả nên tận dụng hay đối phó theo hướng nào?

Để cạnh tranh trong môi trường hội nhập (WTO và đặc biệt là các cam kết khu vực với các nước ASEAN và Trung Quốc), doanh nghiệp và nông dân sản xuất rau quả cần lưu ý nhiều vấn đề, trong đó đặc biệt là:

- **Đối với ngành: Tổ chức lại khâu sản xuất, bảo quản, chế biến** và gắn kết được giữa nông dân sản xuất nguyên liệu, nhà máy chế biến và tiêu thụ sản phẩm hoặc xuất khẩu nhằm khắc phục tình trạng manh mún, thiếu bền vững như hiện nay, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của ngành;
- **Đối với thị trường trong nước:** Do trên 80% sản lượng rau quả sản xuất ra để tiêu dùng trong nước nên thị trường trong nước là quan trọng nhất. Vì vậy, trước hết, **cần thực hiện nghiêm chỉnh quy trình sản xuất, bảo quản, chế biến để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm** nhằm lấy lại niềm tin của người tiêu dùng trong nước nếu rau quả Việt Nam không muốn mất chỗ đứng ở ngay thị trường trong nước, một thị trường rộng lớn với 85 triệu dân mà hàng rau quả nhiều nước đang mong muốn tiếp cận;
- **Đối với thị trường xuất khẩu:** Tập trung đẩy mạnh sản xuất những loại rau quả có khả năng cạnh tranh cao để tranh thủ thị trường nước ngoài như nấm, ngô bao tử, gia vị, bưởi, dưa, nhãn, vải...; dành thời gian và nguồn lực thích đáng cho việc nghiên cứu và tiếp cận thị trường.

# MỤC LỤC BẢNG - HỘP

 <b>Bảng 1</b> – Tình hình ngành sản xuất lúa gạo	05
 <b>Bảng 2</b> – Tình hình ngành sản xuất ngô	06
 <b>Bảng 3</b> – Tình hình ngành sản xuất khoai lang	07
 <b>Bảng 4</b> – Tình hình ngành sản xuất sắn	07
 <b>Bảng 5</b> – Tóm tắt các cam kết thuế đối với sản phẩm lương thực theo WTO và các hiệp định thương mại khu vực	09
 <b>Bảng 6</b> – Tình hình ngành sản xuất rau	16
 <b>Bảng 7</b> – Tình hình ngành sản xuất quả	16
 <b>Bảng 8</b> – Tóm tắt các cam kết thuế đối với sản phẩm rau quả theo WTO và các hiệp định thương mại khu vực	21
<hr/>	
 <b>Hộp 1</b> - Đánh giá tác động của các cam kết khu vực đối với ngành lúa gạo	12
 <b>Hộp 2</b> - Đánh giá về tác động của các cam kết khu vực đối với ngành ngô, khoai lang, sắn	13
 <b>Hộp 3</b> - Tiềm năng cạnh tranh về một số loại rau quả	18
 <b>Hộp 4</b> – Xu hướng cam kết WTO đối với rau quả	19
 <b>Hộp 5</b> - Tóm tắt cam kết khu vực về mở cửa thị trường rau quả	24

# HỆ THỐNG NGẮN GỌN VỀ WTO VÀ CÁC CAM KẾT GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

## I. CÁC HIỆP ĐỊNH VÀ NGUYÊN TẮC WTO

## II. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

## III. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

- 1 Các biện pháp bảo hộ nông nghiệp phi thuế
- 2 Trợ cấp nông nghiệp
- 3 Cam kết chung về mở cửa thị trường nông sản
- 4 Cam kết WTO đối với nhóm Lương thực - Rau quả
- 5 Cam kết WTO đối với sản phẩm Cây công nghiệp - Chăn nuôi

## IV. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC THUẾ QUAN

Ban Pháp chế - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Số 9 Đào Duy Anh - Hà Nội

Tel: 04-5742022 (máy lẻ 356) hoặc 04-5771458; Fax: 04-5770632

Website: [www.chongbanphagia.vn](http://www.chongbanphagia.vn)